

KẾT QUẢ CUỘC THI VÔ ĐỊCH TIN HỌC IC3 GS4 2018-2019

Tên đơn vị:

Sở giáo dục Tp HCM

Tổng số thí sinh tham dự

76

Môn thi

CF

Ngày thi: 12/5/2019

STT	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Số BD	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Điểm thi	Thời gian (giây)	Điểm thi	Thời gian (giây)	Điểm TB	Thời gian TB (giây)	Kết quả 2 môn thi
1	Do Nguyen	Bao	18-Jan-07	88901818	6A5	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	883	1858	933	1220	908	1539	Đạt
2	Bui Quoc Minh	Nhat	05-Oct-06	88901917	7A10	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	883	1948	822	2231	852,5	2089,5	Đạt
3	Tran Dang Gia	Bao	02-Mar-05	88901940	8A1	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	860	1660	844	1584	852	1622	Đạt
4	Nguyen Tran Bao	Anh	08-Apr-05	88901659	8A1	Tăng Nhơn Phú B	Quận 9	860	964	756	1113	808	1038,5	Đạt
5	Phung Ngoc	Tuan	14-Nov-05	88900686	8/1	Lạc Hồng	Quận 10	766	2307	800	2590	783	2448,5	Đạt
6	Hoang Duong Phuc	Quang	18-Mar-05	88901964	8A11	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	743	2300	800	1625	771,5	1962,5	Đạt
7	Le Duc	Cuong	25-Jan-06	88901914	7A10	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	743	2167	800	2087	771,5	2127	Đạt
8	Pham Quang	Nhat	16-Mar-05	88900994	8	Nguyễn Văn Nghi	Quận Gò Vấp	860	3000	667	2426	763,5	2713	Đạt
9	Ho Huynh Trung	Kien	19-Feb-06	88900106	7/3	Tam Thôn Hiệp	Huyện Cần Giờ	836	1088	689	1210	762,5	1149	Đạt
10	Doan Thien	Quy	25-Mar-05	88900968	8/2	Huỳnh Văn Nghệ	Quận Gò Vấp	743	2214	778	1688	760,5	1951	Đạt
11	Phan Mai Nhat	Long	10-Apr-06	88901906	7A7	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	766	1974	733	1464	749,5	1719	Đạt
12	Nguyen Duc Minh	Anh	16-Dec-05	88901961	8A11	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	743	2222	756	2205	749,5	2213,5	Đạt
13	Do Quang	Minh	02-Jan-05	88900963	8/1	Huỳnh Văn Nghệ	Quận Gò Vấp	766	2124	711	1802	738,5	1963	Đạt
14	Bui Duc	Manh	16-Nov-04	88900970	9/4	Huỳnh Văn Nghệ	Quận Gò Vấp	673	2274	800	1101	736,5	1687,5	Đạt
15	Vo Nguyen Chi	Thanh	06-Oct-06	88901918	7A10	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	766	1759	667	1543	716,5	1651	Đạt
16	Nguyen Thi Truc	My	23-Jun-04	88900102	9/2	Đoi Lầu	Huyện Cần Giờ	766	3000	667	2557	716,5	2778,5	Đạt
17	Nguyen Gia Quoc	Uy	01-Dec-06	88901093	7/6	Phan Văn Trị	Quận Gò Vấp	720	1807	689	1338	704,5	1572,5	Đạt
18	Le Huynh An	Nhien	26-Oct-05	88901308	8/6	Nguyễn Du	Quận Gò Vấp	720	1792	689	1520	704,5	1656	Đạt
19	Pham Minh	Triet	10-Jan-06	88901088	7/5	Phan Văn Trị	Quận Gò Vấp	696	1423	711	1634	703,5	1528,5	Đạt
20	Tran Ngoc Y	Nhi	23-Sep-05	88901675	8A1	Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	650	1886	733	1795	691,5	1840,5	Đạt
21	Nguyen Ngo Dinh	An	03-Apr-05	88900126	8/1	Tam Thôn Hiệp	Huyện Cần Giờ	696	1203	622	1969	659	1586	Đạt
22	Dang Quoc	An	03-Jun-04	88900705	9/1	Quốc Tế Wellspring Sài Gòn	Quận Bình Thạnh	673	2182	644	2121	658,5	2151,5	Đạt
23	Phan Van Hai	Nam	03-Jun-04	88900936	9/1	Thông Tây Hội	Quận Gò Vấp	673	2783	622	2163	647,5	2473	Đạt
24	Truong Le	Huy	01-Jan-07	88901820	6A5	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	650	1952	622	1822	636	1887	Đạt
25	Nguyen Trung	Thien	09-Oct-04	88900104	9/2	Đoi Lầu	Huyện Cần Giờ	650	2616	622	2288	636	2452	Đạt
26	Duong Duc	Phu	10-Jul-05	88900602	8/6	Phú Định	Quận 6	860	2222	511	2810	685,5	2516	Không đạt
27	Do Phung Minh	Phi	06-Jun-04	88900103	9/2	Đoi Lầu	Huyện Cần Giờ	836	2085	533	2487	684,5	2286	Không đạt
28	Vu Hoang	Nhan	17-Mar-05	88901758	8A11	Trần Quốc Toản	Quận 9	563	1060	711	1122	637	1091	Không đạt
29	Truong Hoang	Quan	05-Apr-06	88901874	7A1	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	628	2168	644	1867	636	2017,5	Không đạt
30	Nguyen Ngoc Cat	Ha	05-Feb-05	88901033	8/1	Quang Trung	Quận Gò Vấp	696	2948	556	2666	626	2807	Không đạt
31	Hoang Manh	Phi	28-Apr-04	88900108	9/1	Tam Thôn Hiệp	Huyện Cần Giờ	673	2441	578	2313	625,5	2377	Không đạt
32	Tran Tri	Nhan	22-Dec-06	88901123	7/G4	Quốc Tế Việt Úc	Quận Gò Vấp	650	1617	600	1720	625	1668,5	Không đạt
33	Nguyen Huy	Vu	30-Jan-05	88901312	8/6	Nguyễn Du	Quận Gò Vấp	628	2307	622	1702	625	2004,5	Không đạt
34	Lam Tran The	Hien	04-Jun-05	88901051	8/2	Trường Sơn	Quận Gò Vấp	563	1891	667	1432	615	1661,5	Không đạt

STT	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Số BD	Lớp	Trường	Quận/ Huyện	Điểm thi	Thời gian (giây)	Điểm thi	Thời gian (giây)	Điểm TB	Thời gian TB (giây)	Kết quả 2 môn thi
35	Phan Ngoc	Tram	17-Sep-04	88901688	9A1	Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	585	2164	644	2156	614,5	2160	Không đạt
36	Nguyen Duong Truong	Phuc	07-Aug-05	88901676	8A1	Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	606	1940	622	2410	614	2175	Không đạt
37	Ha Chan	Huy	04-Jan-06	88901477	7A3	Lê Quý Đôn	Quận Thủ Đức	563	1876	644	1500	603,5	1688	Không đạt
38	Nguyen Hai	Lam	03-Dec-04	88901689	9A2	Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	673	2078	533	2545	603	2311,5	Không đạt
39	Pham Le Tuan	Kha	25-Jun-04	88900107	9/1	Tam Thôn Hiệp	Huyện Cần Giở	743	1347	444	1357	593,5	1352	Không đạt
40	Le Nguyen Bao	Huy	23-Feb-05	88901946	8A2	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	541	1837	644	1440	592,5	1638,5	Không đạt
41	Do Bui Trong	Khoi	16-Dec-06	88901008	7	Nguyễn Văn Nghi	Quận Gò Vấp	673	2268	511	1984	592	2126	Không đạt
42	Pham Xuan	Quy	28-Oct-04	88900959	9/2	Huỳnh Văn Nghệ	Quận Gò Vấp	628	2503	556	1841	592	2172	Không đạt
43	Huynh Bao	Nhi	01-Jun-05	88901309	8/6	Nguyễn Du	Quận Gò Vấp	606	2601	578	1909	592	2255	Không đạt
44	Le Dang Anh	Khoi	31-Mar-06	88901533	7/10	Nguyễn Văn Bá	Quận Thủ Đức	606	2123	556	2266	581	2194,5	Không đạt
45	Than Trong	Nguyen	09-Mar-06	88901672	7A5	Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	628	2087	533	2056	580,5	2071,5	Không đạt
46	Ho Anh	Kiet	14-Jul-05	88901324	8/1	Nguyễn Du	Quận Gò Vấp	498	3000	644	2157	571	2578,5	Không đạt
47	Nguyen Duc	Hieu	11-Jan-05	88901040	8/10	Quang Trung	Quận Gò Vấp	498	3000	644	2859	571	2929,5	Không đạt
48	Nguyen Dinh Minh	Quan	20-Dec-06	88902298	7/S2	Quốc Tế Việt Úc	Quận 7	520	1615	600	1777	560	1696	Không đạt
49	Luu Thanh	Thao	19-Sep-04	88900704	9/1	Quốc Tế Wellspring Sài Gòn	Quận Bình Thạnh	476	2910	600	2303	538	2606,5	Không đạt
50	Dinh Ngo Thai	Khoi	03-Jun-06	88901590	7A5	Long Bình	Quận 9	498	1527	556	1304	527	1415,5	Không đạt
51	Nguyen Tri Gia	Khang	08-Jun-06	88901010	7	Nguyễn Văn Nghi	Quận Gò Vấp	520	2948	533	3000	526,5	2974	Không đạt
52	Tran Khac	Binh	22-Sep-06	88900609	7/10	Nguyễn Văn Tổ	Quận 10	585	2760	467	1722	526	2241	Không đạt
53	Hoang Thien	An	27-Sep-05	88900685	8/1	Lạc Hồng	Quận 10	563	2397	489	2190	526	2293,5	Không đạt
54	To Tien	Dung	17-Sep-04	88900952	6/2	Gò Vấp	Quận Gò Vấp	520	1806	511	1238	515,5	1522	Không đạt
55	Tran Thai	Thanh	10-Oct-06	88901005	7	Nguyễn Văn Nghi	Quận Gò Vấp	498	1991	533	1890	515,5	1940,5	Không đạt
56	Vo Nguyen Nguyen	Chuong	30-Jan-04	88901101	9	Nguyễn Trãi	Quận Gò Vấp	563	1573	467	2021	515	1797	Không đạt
57	Dinh Tien	Dung	15-Nov-05	88900964	8/2	Huỳnh Văn Nghệ	Quận Gò Vấp	606	1590	422	1916	514	1753	Không đạt
58	Nguyen Thanh	Hoang	24-Mar-05	88901037	8/9	Quang Trung	Quận Gò Vấp	606	2306	422	3000	514	2653	Không đạt
59	Le Dang Hoang	Minh	02-Sep-06	88901886	7A5	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	498	1638	511	1497	504,5	1567,5	Không đạt
60	Tat Huy	Minh	16-Apr-07	88900620	6/3	Nguyễn Văn Tổ	Quận 10	541	2277	467	1800	504	2038,5	Không đạt
61	Tran Huynh Anh	Thu	14-Sep-03	88901691	9A3	Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	606	2376	400	2389	503	2382,5	Không đạt
62	Le Van	Phat	10-Sep-04	88901690	9A3	Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	606	2353	400	2489	503	2421	Không đạt
63	Ngo Trung	Tien	19-Jun-04	88900098	9/5	Cần Thạnh	Huyện Cần Giở	541	2839	444	2471	492,5	2655	Không đạt
64	Vu Ngoc Lan	Thanh	25-May-06	88901073	7/1	Phan Văn Trị	Quận Gò Vấp	433	1508	533	1600	483	1554	Không đạt
65	Bui Tran Bao	Han	26-Aug-05	88900988	8	Nguyễn Văn Nghi	Quận Gò Vấp	455	2575	511	2523	483	2549	Không đạt
66	Nguyen Duc	Trung	07-Jun-06	88901670	7A1	Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	476	1491	467	2715	471,5	2103	Không đạt

STT	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Số BD	Lớp	Trường	Quận/ Huyện	Điểm thi	Thời gian (giây)	Điểm thi	Thời gian (giây)	Điểm TB	Thời gian TB (giây)	Kết quả 2 môn thi
67	Tran Vu Khanh	Tran	22-Jan-05	88902305	8/S3	Quốc Tế Việt Úc	Quận 7	520	2537	422	1579	471	2058	Không đạt
68	Nguyen Mai Hoang	Nam	01-Aug-06	88901926	7A13	Trần Đại Nghĩa	Quận 1	368	2748	533	1800	450,5	2274	Không đạt
69	Nguyen Phuc	Long	27-Feb-05	88901052	8/2	Trường Sơn	Quận Gò Vấp	476	1786	422	1683	449	1734,5	Không đạt
70	Nguyen Duc	Manh	28-Apr-05	88901678	8A1	Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	476	2175	422	1957	449	2066	Không đạt
71	Ngo Xuan	Khang	24-Dec-05	88900974	8	Nguyễn Văn Nghi	Quận Gò Vấp	520	3000	378	2066	449	2533	Không đạt
72	Nguyen Tuan	Thinh	31-Jan-06	88901292	711	Phan Tây Hồ	Quận Gò Vấp	476	2212	400	2040	438	2126	Không đạt
73	Le Minh	Nhat	11-Oct-06	88900584	7/5	Phú Định	Quận 6	368	1905	444	2010	406	1957,5	Không đạt
74	Nguyen Duc	Tan	09-Nov-06	88901667	7A1	Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	433	2496	333	2137	383	2316,5	Không đạt
75	Le Nguyen Dang	Khoa	21-Nov-05	88901681	8A4	Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	411	1387	333	988	372	1187,5	Không đạt
76	Vo Nguyen Dang	Trinh	03-Apr-06	88901161	7/G4	Quốc Tế Việt Úc	Quận Gò Vấp	303	2352	311	1959	307	2155,5	Không đạt